

HIỆN TƯỢNG DÙNG CHÊM TIẾNG ANH TRÊN MỘT SỐ TẠP CHÍ DÀNH CHO THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

TRẦN THỊ MAI ĐÀO
(TS, Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi)

Bài viết khảo sát hiện tượng sử dụng từ ngữ tiếng Anh trên một số ấn phẩm báo chí dành cho đối tượng thanh thiếu niên Việt Nam. Qua những tư liệu có được tác giả đưa ra nhận xét, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục. Hai giải pháp chính là: (1) Hạn chế sử dụng những từ đơn giản mà tiếng Việt đã có; (2) Chỉ chấp nhận sử dụng những từ chuyên môn, những thuật ngữ lạ, mới để đảm bảo tính chính xác về ý nghĩa.

1. Trong những năm gần đây, trong khi sử dụng tiếng Việt xuất hiện khá nhiều hiện tượng ngôn ngữ đáng chú ý: hiện tượng sử dụng nhiều từ ngữ tiếng Anh, hiện tượng ngôn ngữ mạng, ngôn ngữ kí hiệu, ... Người ta gọi đó là ngôn ngữ của những bạn trẻ thế hệ 8X, 9X, là ngôn ngữ @, ngôn ngữ online... Bài viết này xin đề cập đến một hiện tượng trong số những hiện tượng ngôn ngữ vừa nêu: *Hiện tượng dùng chêm tiếng Anh trong ngôn ngữ của giới trẻ Việt Nam trên một số tạp chí.*

2. **Thực trạng.** Trong ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết giới trẻ sử dụng khá nhiều những từ ngữ tiếng Anh. Những mẫu đối thoại như minh họa sau là hiện tượng thường gặp:

“Con đang ở trường mà, đang làm nốt assignment, con send xong rồi về. Đợi con chút, con check lại xong rồi fone lại cho ba ngay...”

“Mày ok hay không ok thì cũng call lại cho nó chứ. Chảnh pro chút nào cả.” ...

Hay như trong bài viết chưa đầy hai trang báo của ấn phẩm Hoa học trò Số đặc biệt 736 đã xuất hiện khá nhiều từ ngữ như: *online, blog, link, web, youtube.com, slice, offline message, fire fox, wordpress, facebook, microsoft, teen, net, chat, internet, mail, games*

online... [“Bạn “2.0” đến đâu rồi?”, HHT 736, trang 54-55]

Chúng tôi không khảo sát hiện tượng sử dụng từ ngữ tiếng Anh trong ngôn ngữ nói mà chỉ bàn về hiện tượng này trong ngôn ngữ viết. Cụ thể, chúng tôi tiến hành khảo sát sự sử dụng tiếng Anh trên một số ấn phẩm báo chí dành cho giới trẻ như là: Hoa học trò (Tuần san của báo Sinh Viên Việt Nam), Thiếu niên tiền phong (Cơ quan của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh), ... Tư liệu được chúng tôi tập hợp từ tất cả các số báo Hoa học trò và Thiếu niên tiền phong trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2008 đến tháng 12 năm 2008.

3. Chúng tôi có những nhận xét sau đây:

a/ Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng thuộc một số chủ đề khá mới mẻ như: tin học, âm nhạc, phim ảnh, thời trang, và một số những chủ đề hàng ngày khác. Đôi khi một số từ ngữ được sử dụng với nhiều nét nghĩa khác nhau thuộc về các chủ đề khác nhau: *save, show, single, hot, mix...* Những từ ngữ thuộc từng chủ đề (theo cách phân chia của chúng tôi) được liệt kê như sau. Nhiều nhất là chủ đề tin học. Theo thống kê sơ bộ trên một số báo đã có: các từ, cụm từ:

Chủ đề tin học

click, online, blog, link, web, slice, offline message, fire fox, wordpress, facebook, microsoft, net, chat, internet, mail, email, games online, blogger, update, laptop, website, webcam, post, (quick) comment, invisible (to everyone), edit, load, search, spam, attach file, save, format, forum, page view, post entry, avatar, file word, card, font Unicode, add friend, theme blog, website ebook magazine, audio, refresh, icon,

upload, download, delete entry, nick, add blog, update, shout box, theme, desktop, copy, paste, check, sign in, offline, send all, search, nickname, hack, user, server, quit game, ...

Chủ đề âm nhạc, thời trang, phim ảnh, thời trang cũng có nhiều từ chêm xen:

showbiz, makeup, fashion show, dancing battle, mineral makeup, series, zoom, legging, MP3 player, flop, show, live, micro, demo, single, cent, rapper, video cli p, liveshow, talkshow, made (in by teen), minishow, album, mix, dance, photoshop, trial, reality, animation, anime, modern kit, anime music, video clip, piano, guitar, jazz, pop, band, rock, troubadour, style photo, volumn, boyband, girlband, style (stylist), belly dancing, headphone, ballad, mid-tempo, track, dance, gameshow, cardigan, skinny jeans, cellphone, salsa, dance sport, flick, style photo, cartoon, air date, TV series, yoga, popstar, play back, cast, update road-show, airbrush, ...

Những chủ đề còn lại:

- Liên quan đến việc ăn mặc: hamburger, sandwich, spaghetti, pizza, diet/light coke, salad, fast food, snack, menu, order, buffet, ketchup, vitamin, cocktail, café, potluck party, canteen, coffee shop, bar, ..., jeans, legging, T-shirt, jump-suit, free size, big size, ...

- Liên quan đến ngôn ngữ hàng ngày: slogan, hot, gift line, gift shop, shop teen online, hand-made, teen star, teen (@), teen boy, teen girl, teen online, teen-guide, teen part-timer, failed, say goodbye, team, magazine, best seller, bill, fall in love, sex, gay, hamster, manly, stress, leader, tick, design, kiss, camera, bonus, shock, member, book, partner, thanks, perfect, fair play, background, shopping, tour, (tour) guide, order, apply, free, vote, test, link, manager, gym, marketing, training, fan, part-time, style, view, security, re-used, second hand, ok, friend, friend list, nude, overnight, friendly, scandal, hot boy, hot girl, gossip, bus, ship, account, credit/debit, share, free, the end, be yourself, showroom, free style, banner, poster, speaking, posing, high-tech, low-tech, up, reply, host, baby doll, design, tip, miss, topic, shop online, boss, cute, sale, list, picnic, horoscope, bye bye, sticker, ...

Những từ ngữ tiếng Anh này được dùng nguyên dạng: *send, friend, copy, ...* một số rất ít được phiên âm tiếng Việt: *xì tin, chat, ...*

b/ Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng ở dạng nguyên mẫu (bare infinitive)

Ví dụ (1): "...đã số các bài báo được *copy* + *paste* từ các nguồn khác nhau." [HHT, 779]

Ví dụ (2) "...chỉ chăm chăm học ngữ pháp, còn từ vựng và luyện nghe ..., thôi "say goodbye nhé" [HHT, 779]

- Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng ở dạng không nguyên mẫu (quá khứ, hiện tại phân từ):

Ví dụ (3) "...là cô Sheryl – giáo viên dạy tiếng Anh trong trường, cực kỳ khó tính và cho học sinh "failed" là chuyện bình thường." [HHT, 779]

Ví dụ (4) "Thế hệ của những công dân teen đang tự *training* ..." [HHT, 775]

Ví dụ (5) "Giờ thì chả cần đi đâu xa, cả lũ có thể tự tập trong phòng tở, *posing* điên đảo và tận hưởng tác phẩm đầu tay của mình." [HHT, 784]

c/ Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng kèm thêm đơn vị gọi tên đồ vật, sự việc tiếng Việt.

Ví dụ (6) "Chúng tôi chọn một góc khuất trong canteen, hai chai nước ngọt và một *gối snack*." [HHT, 776]

Ví dụ (7) "Còn với *áo T-shirt* khỏe khoắn và quần bò ngang *gối*, chúng ta đã gắn thêm một em "cá" cho tính cách của mình ..." [HHT, 776]

Ví dụ (8) "*Áo babydoll* đơn giản, *quần jeans* đơn giản, giày cũng đơn giản, ..." [HHT, 784]

Ví dụ (9) "Zoom vào một *quyền day-runner* của một teen part-time-er nổi tiếng, tở tí nữa thì choáng ngất trước cái bảng thu chi của nàng." [HHT, 776]

Ví dụ (10) "*Máy tính laptop* thời trang, kích thước nhỏ, mỏng, giá cả hợp lí dành cho học sinh." [HHT, 776]

Ví dụ (11) “Bù lại thì bạn ý học được cách pha chế đồ uống cực ngon, được nói tiếng Anh với người nước ngoài miễn phí, đã thế còn rủng rỉnh tiền tip, ...” [HHT, 776]

Ví dụ (12) “H. Như, 17 tuổi, đang làm phục vụ ở quầy bar của khách sạn, khá là vất vả.” [HHT, 776]

d/ Những danh từ tiếng Anh được sử dụng ở dạng số nhiều.

Ví dụ (13) “Phiên bản mới này có giao diện đẹp hơn và có nhiều tính năng mới tiện ích cho *các members*, hứa hẹn sẽ là một diễn đàn cực vui.” [HHT, 776]

e/ Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng có kèm theo cách giải thích nghĩa tiếng Việt.

Ví dụ (14) “Đầu tiên là những TV series dạng “*reality*”: tức là những show truyền hình làm về đời sống thật.” [HHT, 777]

Ví dụ (15) “Trò “*cashflow*” (teen Việt cũng gọi là “dòng kim lưu”) đang thuộc dạng “hot” nên tớ hạ quyết tâm phải nhờ mua cho kì được, để “lên level” đời sống game của teen Việt” [HHT, 774]

Ví dụ (16) “Lỗi là tại tớ, tớ đã xài *hack cash* (tiền bất chính).” [HHT, 773]

Ví dụ (17) “Làm một *leader* (người lãnh đạo) chẳng bao giờ dễ dàng.” [HHT, 773]

Ví dụ (18) “*Regulator* (hộp tự thở) giúp bạn thở thoải mái như trên cạn.” [HHT, 760]

g/ Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng nhưng với tư cách kiểm chứng nghĩa được dịch sang tiếng Việt của từ ngữ tiếng Anh đó.

Ví dụ (19) “Phần thích nhất của cheer là chồng tháp (*pyramid*).” [HHT, 780]

Ví dụ (20) “Cheer cùng chia làm các nhóm: Nhóm làm trụ (*bases*), nhóm lên tháp (*flyers*) và nhóm thực hiện động tác quay và lộn.” [HHT, 780]

h/ Những từ ngữ tiếng Anh được sử dụng với nét nghĩa mới (thay đổi từ loại). Số lượng này không nhiều. Chúng tôi nhận thấy hiện tượng này xảy ra với từ “teen”. “Teen” trong tiếng Anh được giải thích như sau:

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

teenager (danh từ), theo cách dùng của Mỹ là *teen*, có nghĩa là người tuổi từ 13 đến 19; *thanh thiếu niên* [trang 1849, Từ điển Anh Việt, Viện Ngôn ngữ học]

Ví dụ (21) “Từ mới được *teen* Việt sáng tạo ra hàng ngày và với những lí lẽ của riêng *teen*.” [HHT, 736]

Và từ loại của từ này cũng đã có sự thay đổi:

Ví dụ (22) “Chúng tớ đã “cả gan” gạch đầu dòng những “*gương mặt*” tiêu biểu và nổi trội của năm 2007 dựa trên tính mới mẻ, hay ho, rất teen và đủ tiêu chuẩn để bước vào từ điển.” [HHT, 736]

Trong tiếng Việt, “rất” có khả năng nhấn mạnh nghĩa cho tính từ: *rất đẹp, rất béo, rất chăm*, ... Xét khả năng kết hợp “*rất teen*” trong ví dụ (22) có thể hiểu “teen” như là một từ chỉ đặc điểm, tính chất. Do đó, “teen” là một tính từ.

Trên đây là 7 nhận xét chính của chúng tôi về hiện tượng sử dụng chêm từ ngữ tiếng Anh trên một số tạp chí dành cho tuổi thanh thiếu niên.

4. Nguyên nhân

Hiện tượng vay mượn từ ngữ trong một ngôn ngữ là điều không thể tránh khỏi. Hiện tượng vay mượn từ ngữ trong tiếng Việt cũng không phải là không có. Những từ Việt gốc Hán, từ Việt gốc Pháp đã song song tồn tại với những từ thuần Việt. Tuy nhiên, hiện tượng vay mượn từ ngữ tiếng Anh như vừa mô tả trên đây chỉ là hiện tượng xảy ra chủ yếu trong phạm vi sử dụng của giới trẻ. Tại sao họ lại có khuynh hướng “đệm”, “chêm” những từ ngữ tiếng Anh? Chúng tôi cũng đã tiến hành điều tra, phỏng vấn bằng bảng điều tra và thu được những nguyên nhân chính sau đây:

1. Sự dễ dãi của biên tập viên trong việc đáp ứng, thỏa mãn thị hiếu của giới trẻ, đối tượng bạn đọc đông đảo của các ấn phẩm này
(xem tiếp trang 39)

Hải Phong khi ông nói: “*Tạo khoảng cách không dẫn đến cái chết của tác giả*”⁽²⁾. Cái chết của tác giả chỉ là một cách nói có tính ước định. Đưa ra tên gọi này (1967), R. Barthes nhằm nhấn mạnh việc “người đọc tạo ra nghĩa riêng họ, bất chấp ý đồ tác giả”⁽⁵⁾, với những tác phẩm như của Nguyễn Huy Thiệp thì điều đó càng đúng. Chứ thực chất, suy đến cùng, mọi điều trong tác phẩm, kể cả dấu chấm, dấu phẩy không là của tác giả thì còn là của ai nữa.

Ngoài ra việc giữ vững nguyên tắc tự sự trên, Nguyễn Huy Thiệp, bằng việc ném ra những sự thực trần trụi, đã tấn công vào các huyền thoại, cổ tích, những “giá trị ảo”, nếu theo cảm quan hậu hiện đại thì đó là lối phá phá mọi “đại tự sự”.

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Huy Thiệp (2002), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr.70. Các trích dẫn khác về truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp trong bài cũng đều được dẫn ra từ tài liệu này.
2. Trần Đình Sử (chủ biên) (2004), *Tự sự học (một số vấn đề lí luận và lịch sử)*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội, tr.115, tr.120.
3. M. Bakhtin (1998), *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki*, Nxb Giáo dục, Thanh Hoá, tr.59, tr.44.
4. Đỗ Lai Thuý (2006), *Theo vết chân những người khổng lồ*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr.129.
5. Richrdchat Appignanesi - Chris Gattat (2006), *Nhập môn chủ nghĩa hậu hiện đại*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, tr.74, tr.75

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-11-2008)

(Hiện tượng dùng..... tiếp theo trang 46)

2. Thói quen của cộng tác viên. Thói quen này xuất phát từ những lí do tiêu biểu sau: Do môi trường công tác, học tập thường xuyên sử dụng tiếng Anh; Tham gia vào nhiều diễn đàn, trao đổi (chát) với nhiều người nên đẽm tiếng Anh để tiết kiệm thời gian; Muốn chứng tỏ khả năng sử dụng ngoại ngữ của bản thân; ...

3. Yêu cầu đảm bảo được nghĩa của những từ chuyên môn trước sự đa dạng của những thuật ngữ thuộc những lĩnh vực mới, lạ.

5. Giải pháp đề xuất

Loại bỏ hoặc cấm sử dụng từ ngữ tiếng Anh trên báo chí dành cho giới trẻ là việc không thể thực hiện một sớm một chiều. Xuất phát từ 3 nguyên nhân chính vừa nêu, chúng tôi đề xuất những giải pháp sau:

1. Hạn chế sử dụng những từ đơn giản mà tiếng Việt đã có.

2. Chỉ chấp nhận sử dụng những từ chuyên môn, những thuật ngữ lạ, mới để đảm bảo tính chính xác về ý nghĩa.

3. Giáo viên kết hợp với cán bộ lớp nên có thái độ tích cực hơn trong việc hạn chế hiện tượng lạm dụng tiếng Anh trong trường học, môi trường chính của số đối tượng là học sinh sinh viên nói trên.

4. Quan trọng hơn cả, người thực hiện những giải pháp này không ai khác mà chính là tổng biên tập của các ấn phẩm báo chí nói trên. Và giới trẻ chính là những người đồng hành góp phần làm cho tiếng Việt ngày càng phong phú và trong sáng.

Using English in some Vietnamese magazines for teenagers

Tran Thi Mai Dao

The article is about using English in Vietnamese magazines for teenagers. The writer presents comments, reasons and solutions dealing with this problem. Two main solutions are: (1) Limit using English words/phrases and only use equivalent ones which used in Vietnamese for a long time; (2) Use new terms because of the exact meaning of those terms.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-05-2009)